TOÀ ÁN NHÂN DÂN Huyện G Tỉnh N --- ***Số: 81/2017/QĐST- HNGĐ***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *G, ngày 24 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

C□NG NH□N THU□N T□NH LY H□N
VÀ S□ THO□ THU□N C□A C□C □□□NG S□

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 100/2017/TLST- HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trương Thị Trâm A**, sinh năm 1979; trú tại: thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: **Anh Mai Xuân H**, sinh năm 1982; trú tại: thôn N, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: ***Chị Trương Thị Trâm A***, sinh năm 1979.

Trú tại: thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: ***Anh Mai Xuân H***, sinh năm 1982.

Trú tại: thôn N, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

2.1. ***Về con chung***: Chị Trương Thị Trâm A và anh Mai Xuân H xác định có với nhau một con chung là cháu Mai Đức L, sinh ngày 20/01/2010, hiện nay cháu L đang ở với anh H. Tiếp tục giao cháu Mai Đức L cho anh Mai Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị Trâm A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với anh Mai Xuân H.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. ***Về tài sản, công nợ chung***: Các đương sự không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. ***Về án phí sơ thẩm ly hôn***: Chị Trương Thị Trâm A phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), đ- ợc khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Trâm A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/04086, ngày 31/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị Trâm A được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Thi hành án huyện G;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã G;
- L- u hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN
Thẩm phán
(đã ký)

Hà Thiện Thành